

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC BÌNH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09/6/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Minh Thọ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Đồi

Bà Nguyễn Thị Yên Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Hoàng Bảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn N, sinh năm 1973 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố Lương Tây, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà với ông Võ Văn N sống chung với nhau từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn và có 02 đứa con chung gồm: Võ Nhật Huy, sinh năm 1995 và Võ Nhật Hoàng, sinh năm 1997. Hai người sống chung được 3, 4 năm thì ông Năm có người phụ nữ khác nên mỗi khi đi làm về đến nhà thì ông Năm muốn đánh và đuổi bà Lê đi lúc nào thì ông làm, hai người đã ly thân hơn 4 năm, bà cố gắng chịu đựng đến ngày hôm nay thì quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để bà được ly hôn với ông Võ Văn N.

Về con chung: Hiện nay, các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn - Ông Võ Văn N trình bày: Thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị L về thời gian sống chung nhưng không đăng ký kết hôn và con chung. Ông xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không cùng tiếng nói chung, cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm với nhau nữa. Nay, bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn N là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: **Đương sự** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu và ý kiến của các bên đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Văn N. Ông Võ Văn N có nơi cư trú tại khu phố Lương Tây, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

[2]. Về nội dung:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn và có với nhau 2 đứa con chung. Xét thấy, **nguyên đơn** và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên về mặt pháp lý thì **nguyên đơn** và bị đơn không phải là vợ chồng. Vì vậy,

Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa **nguyên đơn** và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và có khả năng lao, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

*Tuyên bố:* Không công nhận **bà** Nguyễn Thị L và ông Võ Văn N là vợ chồng.

2. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002349 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện B.Bình;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- THADS huyện B.Bình;
- UBND thị trấn Lương Sơn;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Minh Thạo**